TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 21 - 02 - 2022
"*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG- TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Định.
Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Thanh Hương và bà Hồ Thị Lan
- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 646/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc: "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-DS ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Ngô Thị B - sinh năm: 1973
Nơi ĐKHKTT: tổ 7, khu 3B, phường G, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt, có đơn xin xử án vắng mặt.
- *Bị đơn:* anh Phạm Hùng V - Sinh năm: 1977
Nơi ĐKHKTT: tổ 7, khu 3B, phường G, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2021 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Ngô Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Hùng V kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hạ Long trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trước khi kết hôn chị đã từng sống như vợ chồng với anh Trần Phương H nhưng chưa kịp đăng ký kết hôn thì anh Hòa bị tai nạn mất. Sau đó chị tìm hiểu, yêu thương anh Phạm Hùng V và kết hôn với anh V. Cuộc sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V thường xuyên cờ bạc, không tu chí làm ăn, không chia sẻ cuộc sống gia đình, từ việc cờ bạc dẫn đến thua nợ bên ngoài, khiến chị đã 3 lần phải bán nhà để trả nợ

cho anh V. Đến nay xét thấy cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân hạnh phúc không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: vợ chồng anh chị có 01 con chung là: Phạm Ngọc U, sinh ngày 19/6/2011. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và công nợ chung: anh, chị không có tài sản chung, không vay nợ chung của tổ chức hay cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Hùng V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, anh V có mặt tại nhà riêng, nhưng không hợp tác làm việc với cán bộ Tòa án, không nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án và không thể hiện quan điểm của mình bằng bản tự khai.

Tại phiên tòa hôm nay anh V vắng mặt nên không có quan điểm về giải quyết vụ án.

Ngày 28/12/2021 Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân, khu phố nơi chị B và anh V sinh sống thì được biết: vợ chồng anh chị B V có hộ khẩu thường trú tại tổ 7, khu 3B, phường G, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H. Quá trình chung sống, anh chị sinh được một người con chung là Phạm Ngọc U, anh chị chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V thường xuyên cờ bạc, không tu chí làm ăn, không chia sẻ cuộc sống gia đình. Năm 2018, chị B đã có đơn xin ly hôn anh V tại Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, nhưng do muốn để anh V có cơ hội sửa chữa, tu chí làm ăn nên chị đã rút đơn về, vợ chồng đoàn tụ. Nhưng đến nay anh V không thay đổi, thỉnh thoảng lại bỏ nhà đi, chị B không biết đi đâu, sau đó lại về, việc này chị B không thông báo cho tổ dân biết. Khi xảy ra mâu thuẫn tổ dân khu phố cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị B có đơn xin ly hôn anh V, tổ dân khu phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/12/2021, Tòa án đã tiến hành ghi biên bản lấy lời khai của cháu Phạm Ngọc U, sinh ngày 19/6/2011, nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ để đảm bảo việc chăm sóc và học tập cho cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng; Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Phạm Hùng V nhiều lần vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa ngày 27/01/2022 anh V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay anh V cũng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quá trình giải quyết vụ án, chị B khẳng định tình cảm giữa chị và anh V thực sự không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã phân tích để chị B quay lại đoàn tụ với anh V, nhưng chị B vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh V.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, chị B và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn đã xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V thường xuyên cờ bạc, không tu chí làm ăn, không chia sẻ cuộc sống gia đình, từ việc cờ bạc dẫn đến thua nợ bên ngoài, khiến chị đã 3 lần phải bán nhà để trả nợ cho anh V, chị đã cho anh nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh không thay đổi, từ đó thấy rằng tình trạng vợ chồng giữa chị B và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị B là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chị B và anh V có 01 con chung là: Phạm Ngọc U, sinh ngày 19/6/2011. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử thấy, cháu U có nguyện vọng ở với mẹ và hiện đang sinh sống ổn định cùng với chị B, nên tiếp tục giao con cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tính ổn định, thuận tiện hơn cho việc chăm sóc, đảm bảo phát triển tốt về thể chất và tinh thần, do đó cần chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị B.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị B không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] *Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung*: nguyên đơn và bị đơn không có tài sản chung, không vay nợ chung cá nhân hay tổ chức nào, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* chị B phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị B.

1/ Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị B được ly hôn với anh Phạm Hùng V.

2/ Về con chung: giao con chung Phạm Ngọc U, sinh ngày 19/6/2011 cho chị Ngô Thị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh V có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: chị Ngô Thị B phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000254, ngày 06/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Định